

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 6 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PhuThinh - NhaBe Garment Joint Stock Company, tên viết tắt là: NPS.

Trụ sở chính tại: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: NPS.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Ngọc Lân	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Hùng Quý	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Trọng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo	Ủy viên

Ban kiểm soát

Ông Phan Văn Hải	Trưởng ban
Bà Lê Nguyễn Thụy Thực Nghi	Thành viên
Bà Vũ Kim Chi	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Triệu	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Phó Giám đốc (Bổ nhiệm kể từ ngày 04/01/2016)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phân đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Thu Hương
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Trụ sở chính TP. Hà Nội

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

T +84 (4) 3 783 2121

F +84 (4) 3 783 2122

E info@cpvietnam.vn

W <http://cpvietnam.vn>

Số: 530/2016/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè, được lập ngày 11 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2016, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Nguyễn Anh Tuấn****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0779-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2016	01/01/2016
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		7.373.148.439	7.485.413.962
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	280.230.659	659.480.333
1. Tiền	111		280.230.659	659.480.333
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.348.879.868	3.258.537.488
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.255.081.308	3.148.676.498
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		56.298.560	22.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	37.500.000	87.860.990
IV- Hàng tồn kho	140		5.744.037.912	3.567.396.141
1. Hàng tồn kho	141	5.4	5.744.037.912	3.567.396.141
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		67.819.687.494	68.743.019.025
I Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	3.000.000	3.000.000
II Tài sản cố định	220		3.524.938.609	4.197.690.431
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	3.372.857.698	4.025.376.536
- Nguyên giá	222		16.160.211.589	16.160.211.589
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.787.353.891)	(12.134.835.053)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	152.080.911	172.313.895
- Nguyên giá	228		284.040.000	284.040.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(131.959.089)	(111.726.105)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		56.171.057.057	56.171.057.057
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	56.171.057.057	56.171.057.057
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	7.734.612.496	7.734.612.496
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.805.900.000	7.805.900.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(71.287.504)	(71.287.504)
VI Tài sản dài hạn khác	260		386.079.332	636.659.041
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	386.079.332	636.659.041
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		75.192.835.933	76.228.432.987

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2016	01/01/2016
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		41.045.859.217	42.715.171.832
I- Nợ ngắn hạn	310		15.299.097.135	16.968.409.750
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	1.137.949.161	614.856.394
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.835.374.353	1.142.941.394
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.068.518.372	1.444.372.417
4. Phải trả người lao động	314		659.480.407	3.803.019.254
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.12	179.555.641	211.008.600
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	453.039.233	352.637.906
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	8.785.716.643	9.146.340.475
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		179.463.325	253.233.310
II- Nợ dài hạn	330		25.746.762.082	25.746.762.082
7. Phải trả dài hạn khác	337	5.15	25.746.762.082	25.746.762.082
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		34.146.976.716	33.513.261.155
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	34.146.976.716	33.513.261.155
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		21.700.000.000	21.700.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		21.700.000.000	21.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.029.300.000	1.029.300.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.683.703.607	9.683.703.607
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.733.973.109	1.100.257.548
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.448.086.642	731.171.365
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		285.886.467	369.086.183
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		75.192.835.933	76.228.432.987

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Thu Hương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	15.307.765.896	15.762.849.515
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		15.307.765.896	15.762.849.515
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	12.247.080.916	13.713.697.428
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.060.684.980	2.049.152.087
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	362.389.163	461.018.268
7. Chi phí tài chính	22	5.20	294.480.676	441.845.569
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		289.560.895	295.466.332
8. Chi phí bán hàng	24	5.21	278.700.387	431.321.218
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.22	2.123.191.439	1.646.643.548
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		726.701.641	(9.639.980)
11. Thu nhập khác	31	5.23	67.559.178	361.186.087
12. Chi phí khác	32	5.23	31.366.118	256.672.343
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		36.193.060	104.513.744
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		762.894.701	94.873.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	129.179.140	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		633.715.561	94.873.764
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	292	44

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Nguyễn Thụy Thực Nghi



Nguyễn Thị Ngọc Thảo



Nguyễn Thị Thu Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	762.894.701	94.873.764
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	2	672.751.822	579.504.346
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	1.442.915	-
- Lỗ/lãi từ hoạt động đầu tư	5	(336.616.531)	(309.993.999)
- Chi phí lãi vay	6	289.560.895	295.466.332
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	1.390.033.802	659.850.443
- Biến động các khoản phải thu	9	1.907.452.882	2.491.294.756
- Biến động hàng tồn kho	10	(2.176.641.771)	(5.023.296.273)
- Biến động các khoản phải trả	11	(1.364.052.938)	(2.670.230.195)
- Biến động chi phí trả trước	12	250.579.709	171.161.772
- Tiền lãi vay đã trả	14	(289.560.895)	(295.466.332)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(421.137.705)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(73.769.985)	(574.596.938)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(355.959.196)	(5.662.420.472)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(90.909.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	17.727.273
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	336.616.531	424.860.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	336.616.531	351.679.153
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	9.710.972.568	16.225.438.954
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.070.465.475)	(10.501.366.517)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(45.000)	(45.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(359.537.907)	5.724.027.437
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(378.880.572)	413.286.118
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	659.480.333	1.673.587.155
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(369.102)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	280.230.659	2.086.873.273

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Thu Hương

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hoá từ Xí nghiệp May 12 và 13 (Khu C) thuộc Công ty May Nhà Bè - Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần).

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303173361 ngày 6 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 7 ngày 02 tháng 6 năm 2015 về việc thay đổi Người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty là: 21.700.000.000 đồng.

Sở hữu vốn

<u>Cổ đông</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	720.320	7.203.200.000	33,19%
Các cổ đông khác	1.449.680	14.496.800.000	66,81%
Tổng	2.170.000	21.700.000.000	100 %

Tên giao dịch của Công ty là PHUTHINH - NHABE GARMENT JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: NPS.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2016 là: 260 người (tại 31/12/2015 là: 340 người).

Trụ sở chính Công ty tại: Số 13A, Tổng Văn Trân, phường 5, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Sản xuất, mua bán hàng may mặc. Mua bán nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, linh kiện, phụ tùng ngành dệt may, ngành công nghiệp, ngành điện tử, ngành công nghệ thông tin, hàng kim khí điện máy. Giặt tẩy (không tẩy, nhuộm hồ in trên sản phẩm tại trụ sở). Thêu. In trên bao bì (không in tráng bao bì kim loại tại trụ sở). Kinh doanh nhà ở. Môi giới bất động sản. Cho thuê kho bãi. Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng ô tô, đường thuỷ nội địa. Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở). Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là gia công hàng may mặc.

1.3. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH/KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Năm tài chính/Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 30 tháng 6.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 30/6/2016.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày 30/6/2016.
- (iii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- (iv) Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
31/12/2015	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	22.450 VND/USD	22.540 VND/USD
30/6/2016	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	22.270 VND/USD	22.340 VND/USD

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản vô hình là phần mềm Tuka Cad phục vụ cho ngành may. Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	07 - 15
Máy móc và thiết bị	07 - 10
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị văn phòng	03 - 04

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính Tuka Cad phục vụ ngành may được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 07 năm.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án xây dựng chung cư đã được Ủy Ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ Phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại số 13A Tổng Văn Trấn, phường 5, quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Tại ngày 30/6/2016, dự án đang tạm dừng triển khai do thiếu vốn đầu tư.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác; Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	52.794.868	173.535.755
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	227.435.791	485.944.578
Tổng	280.230.659	659.480.333

5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.255.081.308	3.148.676.498
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	-	2.290.206.742
Công ty TNHH E.Land Việt Nam	257.671.704	858.469.756
Công ty TNHH Mô Cò	452.596.221	-
Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	224.402.666	-
Chori Co., Ltd	283.279.745	-
Các đối tượng khác	37.130.972	-
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c) Trong đó phải thu các bên liên quan	-	2.290.206.742
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	-	2.290.206.742
Tổng	1.255.081.308	3.148.676.498

5.3 PHẢI THU KHÁC

	30/6/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	37.500.000	-	87.860.990	-
Tạm ứng	37.500.000	-	14.344.243	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	73.516.747	-
Dài hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	3.000.000	-	3.000.000	-
Tổng	40.500.000	-	90.860.990	-

5.4 HÀNG TỒN KHO

	30/6/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	768.969.368	-	642.033.521	-
Công cụ, dụng cụ	24.402.105	-	12.069.270	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	314.411.416	-	12.245.069	-
Thành phẩm	4.636.255.023	-	2.901.048.281	-
Tổng	5.744.037.912	-	3.567.396.141	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2016	6.271.939.054	8.218.028.975	1.258.679.160	411.564.400	16.160.211.589
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2016	6.271.939.054	8.218.028.975	1.258.679.160	411.564.400	16.160.211.589
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2016	5.597.374.076	5.498.409.383	627.487.194	411.564.400	12.134.835.053
Tăng trong kỳ	210.911.812	381.462.032	60.144.994	-	652.518.838
Khấu hao trong kỳ	210.911.812	381.462.032	60.144.994	-	652.518.838
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2016	5.808.285.888	5.879.871.415	687.632.188	411.564.400	12.787.353.891
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	674.564.978	2.719.619.592	631.191.966	-	4.025.376.536
Tại 30/6/2016	463.653.166	2.338.157.560	571.046.972	-	3.372.857.698

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/6/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 3.607.256.710 VND (tại ngày 31/12/2015 là: 3.607.256.710 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30/6/2016 đã đem đi cầm cố thế chấp vay là: 2.964.938.777 VND (tại ngày 31/12/2015 là: 3.481.806.541 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.6 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH*Đơn vị tính: VND*

	Phần mềm TukaCAD phục vụ ngành may	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2016	284.040.000	284.040.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2016	<u>284.040.000</u>	<u>284.040.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2016	111.726.105	111.726.105
Tăng trong kỳ	20.232.984	20.232.984
Khấu hao trong kỳ	20.232.984	20.232.984
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại 30/6/2016	<u>131.959.089</u>	<u>131.959.089</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2016	<u>172.313.895</u>	<u>172.313.895</u>
Tại 30/6/2016	<u>152.080.911</u>	<u>152.080.911</u>

5.7 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	30/6/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án xây dựng chung cư cao tầng Đầm Sen	56.171.057.057	56.171.057.057	56.171.057.057	56.171.057.057
Tổng	<u>56.171.057.057</u>	<u>56.171.057.057</u>	<u>56.171.057.057</u>	<u>56.171.057.057</u>

Dự án xây dựng chung cư đã được Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận theo Quyết định số 5289/QĐ-UBND ngày 24/11/2007 về việc đồng ý cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè chuyển mục đích sử dụng đất tại số 13A Tổng Văn Trán, phường 5, quận 11 để đầu tư xây dựng chung cư. Tại ngày 30/6/2016, Dự án vẫn đang tạm dừng triển khai do thiếu vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**5.8 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

MÁU B 09a - DN

	30/6/2016 (VND)			01/01/2016 (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè	5.700.000.000	5.628.712.496	71.287.504	5.700.000.000	5.628.712.496	71.287.504
Công ty Cổ phần Dệt Việt Thắng	1.605.900.000	1.605.900.000	-	1.605.900.000	1.605.900.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Du lịch NBC	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	500.000.000	-
Tổng	7.805.900.000	7.734.612.496	71.287.504	7.805.900.000	7.734.612.496	71.287.504

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Bất động sản Nhà Bè	Khu phố 3, Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7. TP. Hồ Chí Minh	11,40%	11,40%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản
Công ty CP Dệt Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	0,76%	0,76%	Sản xuất mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc
Công ty CP Truyền thông và Du lịch NBC	Thôn Mũi Đá, Xã Tân Phước, Thị xã La Gi, Tỉnh Bình Thuận	4,17%	4,17%	Đại lý du lịch, kinh doanh nhà hàng ăn uống

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	386.079.332	636.659.041
Máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	386.079.332	636.659.041
Tổng	386.079.332	636.659.041

5.10 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/6/2016 (VND)		01/01/2016 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	1.137.949.161	1.137.949.161	614.856.394	614.856.394
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	210.990.474	210.990.474	203.550.074	203.550.074
Tổng Công Ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	263.623.594	263.623.594	-	-
Công ty Cổ phần May Phương Đông	-	-	94.316.264	94.316.264
Công ty Cổ phần Ngôi Sao Việt	-	-	56.478.862	56.478.862
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu SBI	-	-	51.831.840	51.831.840
Các đối tượng khác	663.335.093	663.335.093	208.679.354	208.679.354
b. Dài hạn	-	-	-	-
Tổng	1.137.949.161	1.137.949.161	614.856.394	614.856.394
Trong đó:				
c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d. Số dư phải trả các bên liên quan	210.990.474	210.990.474	203.550.074	203.550.074
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	210.990.474	210.990.474	203.550.074	203.550.074

5.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2016
Phải nộp	1.444.372.417	792.771.267	1.168.625.312	1.068.518.372
Thuế giá trị gia tăng	861.140.288	647.100.438	1.162.135.873	346.104.853
Thuế xuất nhập khẩu	-	455.000	455.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	108.827.911	129.179.140	-	238.007.051
Thuế thu nhập cá nhân	474.404.218	10.002.250	-	484.406.468
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	6.034.439	6.034.439	-
Phải thu	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a - DN

5.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	179.555.641	211.008.600
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	179.555.641	142.940.600
Trích trước chi phí khám sức khỏe	-	48.068.000
Chi phí khác	-	20.000.000
b) Dài hạn	-	-
Tổng	179.555.641	211.008.600

5.13 PHẢI TRẢ KHÁC

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Các khoản phải trả	453.039.233	352.637.906
Kinh phí công đoàn	248.028.000	150.448.000
Bảo hiểm xã hội	3.053.661	187.334
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	5.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	196.957.572	197.002.572
- Cổ tức phải trả	191.456.000	191.501.000
- Phải trả khác	5.501.572	5.501.572
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Tổng	453.039.233	352.637.906

5.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Số có khả năng		Tăng	Giảm	Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ			Giá trị	trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Thương mại						
Cổ phần Ngoại Thương	8.785.716.643	8.785.716.643	9.709.841.643	10.070.465.475	9.146.340.475	9.146.340.475
Việt Nam						
Tổng	8.785.716.643	8.785.716.643	9.709.841.643	10.070.465.475	9.146.340.475	9.146.340.475

Công ty vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng số 269/KH/15NH ngày 09 tháng 12 năm 2015. Hạn mức cấp tín dụng của hợp đồng là 10.000.000.000 đồng đến hết 31 tháng 12 năm 2016. Mục đích cho vay là bổ sung vốn lưu động, chiết khấu có truy đòi chứng từ hàng xuất khẩu, bảo lãnh và phát hành thư tín dụng để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của bên B với bên thứ ba, thực hiện bao thanh toán theo quy định. Lãi suất cho vay theo từng lần nhận nợ. Khoản vay được bảo lãnh bằng hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0314/NHNT ngày 09/12/2015; hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ số 0228/NHNT ngày 08/09/2014 với tổng giá trị còn lại tại 30/6/2016 là 2.964.938.777 đồng và chứng thư bảo lãnh số 145/NBC của Công Ty Cổ phần May Nhà Bè.

5.15 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản tiền hỗ trợ không tính lãi suất của Công ty Cổ phần Bất động sản Nhà Bè cho Công ty Cổ phần May Phú Thịnh - Nhà Bè để tiến hành các thủ tục đầu tư, xây dựng Dự án Cao ốc thương mại và Căn hộ tại Khu đất số 13A, Tổng Văn Trấn, phường 05, quận 11 theo thỏa thuận giữa hai Bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THỊNH - NHÀ BÈ
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu:

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2015	21.700.000.000	1.029.300.000	9.683.703.607	4.491.821.365	36.904.824.972
Tăng trong năm	-	-	-	369.086.183	369.086.183
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	369.086.183	369.086.183
Giảm trong năm	-	-	-	3.760.650.000	3.760.650.000
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	3.255.000.000	3.255.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	505.650.000	505.650.000
Chi phạt thuế	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	21.700.000.000	1.029.300.000	9.683.703.607	1.100.257.548	33.513.261.155
Số dư tại 01/01/2016	21.700.000.000	1.029.300.000	9.683.703.607	1.100.257.548	33.513.261.155
Tăng trong kỳ	-	-	-	633.715.561	633.715.561
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	633.715.561	633.715.561
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2016	21.700.000.000	1.029.300.000	9.683.703.607	1.733.973.109	34.146.976.716

5.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty May Nhà Bè - Công ty cổ phần	7.203.200.000	7.203.200.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.496.800.000	14.496.800.000
Tổng	21.700.000.000	21.700.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	21.700.000.000	21.700.000.000
Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	21.700.000.000	21.700.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-

d. Cổ phiếu

	30/6/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.170.000	2.170.000
Cổ phiếu phổ thông	2.170.000	2.170.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu</i>		

e. Các quỹ doanh nghiệp

	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.683.703.607	9.683.703.607
Tổng	9.683.703.607	9.683.703.607

5.17 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Doanh thu gia công nội địa	8.649.188.081	9.174.992.084
Doanh thu gia công xuất khẩu	3.547.242.531	4.972.228.551
Doanh thu làm hàng nội địa	19.691.106	6.845.523
Doanh thu làm hàng xuất khẩu	2.999.240.077	1.466.912.190
Doanh thu đưa ngoài gia công	-	141.871.167
Doanh thu bán nguyên phụ liệu tiết kiệm	92.404.101	-
Tổng	15.307.765.896	15.762.849.515
<i>Trong đó doanh thu của các bên liên quan</i>		
Tổng công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	4.515.245.287	4.717.919.887
Công ty Cổ phần May Gia Lai	-	1.813.885.939
Công ty Cổ phần Thương mại Nhà Bè	-	280.299.480
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Nhà Bè	-	70.810.000

5.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giá vốn gia công nội địa	6.703.598.016	7.713.491.645
Giá vốn gia công xuất khẩu	2.448.887.980	4.075.168.492
Giá vốn làm hàng nội địa	61.459.337	34.859.635
Giá vốn làm hàng xuất khẩu	3.033.135.583	1.788.373.220
Giá vốn đưa ngoài gia công	-	101.804.436
Tổng	12.247.080.916	13.713.697.428

5.19 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền gửi	2.617.531	7.485.971
Cổ tức, lợi nhuận được chia	333.999.000	417.375.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	25.772.632	29.178.464
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.978.833
Tổng	362.389.163	461.018.268

5.20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lãi tiền vay	289.560.895	295.466.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.919.781	146.379.237
Tổng	294.480.676	441.845.569

5.21 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	168.650.080	318.920.682
Chi phí dịch vụ mua ngoài	110.050.307	112.400.536
Tổng	278.700.387	431.321.218

5.22 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.801.238.080	1.165.612.170
Chi phí vật liệu quản lý	45.276.063	53.107.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.144.994	67.039.966
Thuế phí và lệ phí	9.731.439	10.312.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.290.109	190.271.426
Chi phí bằng tiền khác	72.510.754	160.300.685
Tổng	2.123.191.439	1.646.643.548

5.23 LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu nhập từ bán phế liệu	22.246.845	81.032.045
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	-	27.272.730
Thu hồi tiền đào tạo công nhân nghỉ việc	35.886.350	51.048.830
Thu lại tiền chi phí xuất nhập khẩu	1.460.960	194.340.378
Các khoản khác	7.965.023	7.492.104
Tổng	67.559.178	361.186.087
<i>Chi phí khác</i>		
Giá trị còn lại tài sản cố định	-	114.866.972
Chi tiền chi phí xuất nhập khẩu	-	77.732.299
Các khoản khác	31.366.118	64.073.072
Tổng	31.366.118	256.672.343
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	36.193.060	104.513.744

5.24 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	762.894.701	94.873.764
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>217.000.000</i>	<i>264.268.162</i>
Thù lao của hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	174.000.000	174.000.000
Chi phí không đầy đủ hóa đơn chứng từ	43.000.000	90.268.162
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>333.999.000</i>	<i>417.375.000</i>
Thu nhập từ nhận cổ tức	333.999.000	417.375.000
Thu nhập chịu thuế	645.895.701	(58.233.074)
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	129.179.140	-

5.25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	633.715.561	94.873.764
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	633.715.561	94.873.764
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	2.170.000	2.170.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	292	44

5.26 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.235.698.710	1.095.520.344
Chi phí nhân công	10.494.118.044	11.173.739.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	672.751.824	579.504.346
Chi phí dịch vụ mua ngoài	988.056.710	1.440.565.849
Chi phí khác bằng tiền	295.720.544	378.191.750
Tổng	16.686.345.832	14.667.521.595

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 GIAO DỊCH VÀ SƠ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	Lương, thưởng và thù lao	478.275.005	537.161.766

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015 VND
Giao dịch mua				
Tổng công ty May Nhà Bè - Công ty Cổ phần	Thành viên góp vốn	Mua máy móc thiết bị	-	145.090.876
		Thuê máy móc thiết bị	6.764.000	6.010.000
		Mua áo sơ mi	5.090.920	3.818.190
		Phí xuất nhập khẩu	-	5.279.550
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Dịch vụ - Thương mại Nhà Bè	Cùng hệ thống	Phí logistic, vận chuyển, bốc xếp	15.860.566	25.676.048
Công ty Cổ phần Thương Mại Nhà Bè	Cùng hệ thống	Phí gia công may, mua bảo hộ lao động	-	104.142.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Truyền Thông Và Du Lịch NBC	Cùng hệ thống	Phí duy trì cập nhật thông tin website	10.000.000	10.000.000
		Mua lịch	13.540.800	-
Công ty Cổ phần May Gia Lai	Cùng hệ thống	Máy gia công	-	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Công Nghệ Nhà Bè	Cùng hệ thống	Mua máy móc thiết bị	33.792.000	859.966.750
Công ty Cổ phần Xây Lắp Công Nghiệp Nhà Bè	Cùng hệ thống	Mua máy móc, vải và dịch vụ sửa chữa cải tạo kho thành phẩm	-	392.941.403

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.14, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.230.659	659.480.333
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.258.081.308	3.225.193.245
Đầu tư tài chính dài hạn	1.605.900.000	1.605.900.000
Tổng	3.144.211.967	5.490.573.578
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	8.785.716.643	9.146.340.475
Phải trả người bán và phải trả khác	27.337.750.476	26.714.256.382
Chi phí phải trả	179.555.641	211.008.600
Tổng	36.303.022.760	36.071.605.457

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền, công nợ phải thu và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/06/2016	01/01/2016	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	9.923.665.805	4.630.479.813	1.451.916.990	164.205.607
Euro (EUR)	-	-	6.627.758	6.702.406
Tổng	9.923.665.805	4.630.479.813	1.458.544.748	170.908.013

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty quản trị rủi ro này bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/6/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	1.590.988.394	25.746.762.082	27.337.750.476
Chi phí phải trả	179.555.641	-	179.555.641
Các khoản vay	8.785.716.643	-	8.785.716.643
Tổng	10.556.260.678	25.746.762.082	36.303.022.760
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Phải trả khách hàng và phải trả khác	967.494.300	25.746.762.082	26.714.256.382
Các khoản vay	9.146.340.475	-	9.146.340.475
Tổng	10.324.843.375	25.746.762.082	36.071.605.457

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 30/6/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	280.230.659	-	280.230.659
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.255.081.308	3.000.000	1.258.081.308
Đầu tư tài chính	-	1.605.900.000	1.605.900.000
Tổng	1.535.311.967	1.608.900.000	3.144.211.967
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	659.480.333	-	659.480.333
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.222.193.245	3.000.000	3.225.193.245
Đầu tư tài chính	-	1.605.900.000	1.605.900.000
Tổng	3.881.673.578	1.608.900.000	5.490.573.578

6.3 THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015 đã được soát xét.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Nguyễn Thụy Thục Nghi

Nguyễn Thị Ngọc Thảo

Nguyễn Thị Thu Hương